TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2136/2017/DS-ST.
Ngày: 25-09-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Yến,

2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 595/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**

Địa chỉ: 123 đường H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông T, địa chỉ: Số 123 đường C, Phường XX, quận T.B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 963/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 23/3/2017).

2. Bị đơn: Ông **Đ.M.H**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: 123/123 đường X.T, Phường YYY, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông T là đại diện hợp pháp trình bày*:

Ngày 22/03/2014, ông Đ.M.H và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Sau đây gọi là "Ngân hàng V") ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006. Theo đó, hai bên thỏa thuận số tiền vay là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) trong thời hạn 36 tháng với mục đích tiêu dùng hợp pháp, lãi suất là 2,92 %/tháng, phương thức cho vay trả góp vào ngày 01 (một) hàng tháng, với cách trả: 35 tháng đầu trả 2.036.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.611.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/5/2014.

Thực hiện đúng thỏa thuận, Ngân hàng V đã giải ngân toàn bộ tiền vay qua tài khoản của ông Đ.M.H tại Ngân hàng V số 61947914 ngày 26/03/2014. Ông Đ.M.H đã thanh toán cho Ngân hàng V 13 lần tổng cộng là 26.610.000 đồng. Từ ngày 29/8/2015, ông Đ.M.H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận với Ngân hàng V mặc dù được nhắc nhở, và yêu cầu thanh toán.

Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện ông Đ.M.H yêu cầu trả làm một lần số tiền gốc còn thiếu là 34.067.853 đồng và tiền lãi theo lãi suất thoả thuận trên số tiền gốc còn thiếu của hợp đồng là 12.518.994 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; không yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng V chỉ yêu cầu ông Đ.M.H thanh toán số tiền còn nợ nêu trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng vì đây là hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng hợp pháp của cá nhân ông Đ.M.H.

** Bị đơn ông Đ.M.H* đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/7/2017, 11/8/2017 nhưng ông Đ.M.H không đến làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Đ.M.H.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh*: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng theo quy định để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, do bị đơn ông Đ.M.H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 nhưng mức lãi suất được tính theo Lịch trả nợ cao hơn lãi suất thoả thuận tại hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

một phần yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận phần lãi suất 0,01%/tháng đã tính vượt quá thoả thuận hợp đồng, và các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Đ.M.H, thường trú tại 123/123 đường X.T, Phường YYY, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 21, quận Bình Thạnh theo quyết định số 1086/2017/QĐ-CCTLCC ngày 24/5/2017 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng và sự có mặt của các đương sự:

Bị đơn ông Đ.M.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy ông Đ.M.H vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Đ.M.H.

Tại đơn khởi kiện và Biên bản ngày 31/07/2017, nguyên đơn xác định khởi kiện đối với cá nhân ông Đ.M.H, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng vì hợp đồng cho ông Đ.M.H vay tiêu dùng cá nhân nên đề nghị không đưa vợ ông Đ.M.H vào tham gia tố tụng. Xét ông Đ.M.H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Đ.M.H nhưng vẫn không có ý kiến phản đối nên Tòa án không triệu tập vợ ông Đ.M.H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T, đại diện nguyên đơn Ngân hàng V, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 25/09/2017 và thể hiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bị đơn ông Đ.M.H trả số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 47.186.847 đồng, trong đó tiền gốc là 34.067.853 đồng căn cứ vào các thoả thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 ngày 22/3/2014 và lịch trả nợ, tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận cho đến khi trả xong nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (mã số doanh nghiệp: 0100233583) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; đồng thời, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong những ngành nghề theo uỷ quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 ngày 22/03/2014, Ngân hàng V và ông Đ.M.H thỏa thuận: Ngân hàng V cho ông Đ.M.H vay 45.000.000 đồng, và ông Đ.M.H có nghĩa vụ trả tiền vay hàng tháng là 2.036.000 đồng với ngày thanh toán hàng tháng được quy định cụ thể trong Lịch trả nợ, lãi suất cho vay là 2,91%/tháng và thời hạn vay là 36 tháng có ngày trả nợ cuối cùng là 01/04/2017 và hai bên có thỏa thuận về phạt chậm trả. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11) và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng đã cam kết, ngày 26/3/2014, Ngân hàng V đã chuyển số tiền vay theo thoả thuận là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) vào tài khoản của ông Đ.M.H số 61947914 mở tại Ngân hàng V phù hợp với Điều 5 của hợp đồng.

Xét, ông Đ.M.H đã thực hiện trả góp hàng tháng cho Ngân hàng V 13 (Mười ba) lần tổng cộng 26.610.000 đồng và từ ngày 29/8/2015, ông Đ.M.H không thực hiện tiếp việc thanh toán số tiền vay gốc và tiền lãi theo lãi suất thoả thuận là vi phạm khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng nên căn cứ khoản 9.1 Điều 9 của hợp đồng tín dụng, có đủ cơ sở buộc ông Đ.M.H phải trả toàn bộ số nợ gốc còn thiếu và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và lịch trả nợ ngay sau

ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong là có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu tiền phạt chậm trả theo khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 ngày 22/03/2014 và tiền lãi phát sinh đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật là tự nguyện, có lợi cho người vay là ông Đ.M.H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Căn cứ Lịch trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng, tiền lãi phải trả của Lịch trả nợ được tính theo lãi suất 35%/năm nên tiền lãi của kỳ đầu tiên tính từ ngày giải ngân 26/03/2014 đến ngày phải trả lần đầu là: 45.000.000 đồng x (35%/năm : 360 ngày) x 35 ngày = 1.531.250 đồng; tiền lãi của kỳ thứ hai là 44.495.250 đồng x 35%/năm : 12 tháng = 1.297.779 đồng khớp với số tiền của từng đợt trả của Lịch trả nợ tính trên lãi suất 35%/năm.

Hai bên của Hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 ngày 22/03/2014 là Ngân hàng V và ông Đ.M.H không thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất hàng tháng theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay nên lãi suất theo khoản 2.1 Điều 2 là 2,91%/tháng. Tuy nhiên, căn cứ Lịch trả nợ được tính theo lãi suất 35%/năm, tiền lãi của kỳ đầu tiên tính từ ngày giải ngân 26/03/2014 đến ngày phải trả lần đầu là: 45.000.000 đồng x (35%/năm : 360 ngày) x 35 ngày = 1.531.250 đồng; tiền lãi của kỳ thứ hai là 44.495.250 đồng x 35%/năm : 12 tháng = 1.297.779 đồng khớp với số tiền của từng đợt trả của Lịch trả nợ tính trên lãi suất 35%/năm. Do vậy, Lịch trả nợ tính tiền lãi theo lãi suất 35%/năm, tức là tiền lãi hàng tháng là 35%/năm : 12 tháng = 2,92%/tháng là cao hơn so với thỏa thuận tại hợp đồng nên không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn tính lãi theo lãi suất cho vay là 2,92%/tháng, với độ chênh lệch lãi suất hàng tháng so với lãi suất thỏa thuận hợp đồng là 0,01%/tháng. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì vậy, cần phải tính lại số tiền còn thiếu của ông Đ.M.H theo Hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 ngày 22/03/2014 theo lãi suất vay là 2,91%/tháng. Căn cứ khoản 4.6 Điều 4 của hợp đồng và cách trả khoản tiền vay của Lịch trả nợ, thứ tự ưu tiên thanh toán hàng tháng là toàn bộ tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận và một phần tiền gốc sao cho số tiền phải thanh toán hàng tháng theo khoản 2.8 Điều 2 của hợp đồng là 2.036.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, mỗi kỳ được tính cách nhau 01 (Một) tháng, ngoại trừ kỳ đầu tiên. Vì vậy, đối với số tiền phải trả của kỳ đầu ngày 01/5/2014, tiền lãi phát sinh được tính từ ngày giải ngân tiền vay 45.000.000 đồng là ngày 26/03/2014 đến hết ngày 30/4/2014 là 35 (Ba mươi lăm) ngày theo lãi suất 2,91%/tháng là: 45.000.000 đồng x (2,91%/tháng : 30 ngày) x 35 ngày = 1.527.750 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi

đồng), tiền gốc phải trả là 2.036.000 đồng - 1.527.750 đồng = 508.250 đồng (Năm trăm lẻ tám ngàn hai trăm năm mươi đồng), dư nợ gốc mới là 44.491.750 đồng.

Đối với kỳ thứ hai trả nợ ngày 01/6/2014 được tính từ ngày 01/5/2014 trên dư nợ gốc mới của kỳ liền trước, tiền lãi phát sinh phải trả 44.491.750 đồng x 2,91%/tháng = 1.294.710 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm mười đồng), tiền gốc là 2.036.000 đồng - 1.294.710 đồng = 741.290 đồng (Bảy trăm bốn mươi mốt ngàn hai trăm chín mươi đồng), dư nợ gốc mới 43.750.460 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn bốn trăm sáu mươi đồng).

Theo cách tính của kỳ thứ hai, các kỳ trả nợ tiếp theo có kết quả như sau:

Kỳ 3: Lãi phải trả 1.273.138 đồng; gốc phải trả 762.862 đồng, dư nợ mới 42.987.598 đồng.

Kỳ 4: Lãi phải trả 1.250.939 đồng; gốc phải trả 785.061 đồng, dư nợ mới 42.202.537 đồng.

Kỳ 5: Lãi phải trả 1.228.094 đồng; gốc phải trả 807.906 đồng, dư nợ mới 41.394.631 đồng.

Kỳ 6: Lãi phải trả 1.204.584 đồng; gốc phải trả 831.416 đồng, dư nợ mới 40.563.215 đồng.

Kỳ 7: Lãi phải trả 1.180.390 đồng; gốc phải trả 855.610 đồng, dư nợ mới 39.707.605 đồng.

Kỳ 8: Lãi phải trả 1.155.491 đồng; gốc phải trả 880.509 đồng, dư nợ mới 38.827.096 đồng.

Kỳ 9: Lãi phải trả 1.129.868 đồng; gốc phải trả 906.132 đồng, dư nợ mới 37.920.964 đồng.

Kỳ 10: Lãi phải trả 1.103.500 đồng; gốc phải trả 932.500 đồng, dư nợ mới 36.988.464 đồng.

Kỳ 11: Lãi phải trả 1.076.364 đồng; gốc phải trả 959.636 đồng, dư nợ mới 36.028.829 đồng.

Kỳ 12: Lãi phải trả 1.048.439 đồng; gốc phải trả 987.561 đồng, dư nợ mới 35.041.268 đồng.

Kỳ 13: Lãi phải trả 1.019.701 đồng; gốc phải trả 1.016.299 đồng, dư nợ mới 34.024.969 đồng.

Kỳ 14: Lãi phải trả 990.127 đồng; gốc phải trả 1.045.873 đồng, dư nợ mới 32.979.095 đồng.

Kỳ 15: Lãi phải trả 959.692 đồng; gốc phải trả 1.076.308 đồng, dư nợ mới 31.902.787 đồng.

Kỳ 16: Lãi phải trả 928.371 đồng; gốc phải trả 1.107.629 đồng, dư nợ mới 30.795.158 đồng.

Kỳ 17: Lãi phải trả 896.139 đồng; gốc phải trả 1.139.861 đồng, dư nợ mới 29.655.297 đồng.

Kỳ 18: Lãi phải trả 862.969 đồng; gốc phải trả 1.173.031 đồng, dư nợ mới 28.482.266 đồng.

Kỳ 19: Lãi phải trả 828.834 đồng; gốc phải trả 1.207.166 đồng, dư nợ mới 27.275.100 đồng.

Kỳ 20: Lãi phải trả 793.705 đồng; gốc phải trả 1.242.295 đồng, dư nợ mới 26.032.805 đồng.

Kỳ 21: Lãi phải trả 757.555 đồng; gốc phải trả 1.278.445 đồng, dư nợ mới 24.754.360 đồng.

Kỳ 22: Lãi phải trả 720.352 đồng; gốc phải trả 1.315.648 đồng, dư nợ mới 23.438.712 đồng.

Kỳ 23: Lãi phải trả 682.067 đồng; gốc phải trả 1.353.933 đồng, dư nợ mới 22.084.779 đồng.

Kỳ 24: Lãi phải trả 642.667 đồng; gốc phải trả 1.393.333 đồng, dư nợ mới 20.691.446 đồng.

Kỳ 25: Lãi phải trả 602.121 đồng; gốc phải trả 1.433.879 đồng, dư nợ mới 19.257.567 đồng.

Kỳ 26: Lãi phải trả 560.395 đồng; gốc phải trả 1.475.605 đồng, dư nợ mới 17.781.962 đồng.

Kỳ 27: Lãi phải trả 517.455 đồng; gốc phải trả 1.518.545 đồng, dư nợ mới 16.263.417 đồng.

Kỳ 28: Lãi phải trả 473.265 đồng; gốc phải trả 1.562.735 đồng, dư nợ mới 14.700.682 đồng.

Kỳ 29: Lãi phải trả 427.790 đồng; gốc phải trả 1.608.210 đồng, dư nợ mới 13.092.472 đồng.

Kỳ 30: Lãi phải trả 380.991 đồng; gốc phải trả 1.655.009 đồng, dư nợ mới 11.437.463 đồng.

Kỳ 31: Lãi phải trả 332.830 đồng; gốc phải trả 1.703.170 đồng, dư nợ mới 9.734.293 đồng.

Kỳ 32: Lãi phải trả 283.268 đồng; gốc phải trả 1.752.732 đồng, dư nợ mới 7.981.561 đồng.

Kỳ 33: Lãi phải trả 232.263 đồng; gốc phải trả 1.803.737 đồng, dư nợ mới 6.177.825 đồng.

Kỳ 34: Lãi phải trả 179.775 đồng; gốc phải trả 1.856.225 đồng, dư nợ mới 4.321.599 đồng.

Kỳ 35: Lãi phải trả 125.759 đồng; gốc phải trả 1.910.241 đồng, dư nợ mới 2.411.358 đồng.

Kỳ 36: Lãi phải trả 70.171 đồng; gốc phải trả 2.411.358 đồng, dư nợ mới 0 đồng với tổng số tiền phải trả của kỳ cuối là 2.481.528 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi trả góp của 36 tháng vay mà ông Đ.M.H phải thanh toán cho Ngân hàng V là 28.741.528 đồng cho số tiền vay gốc 45.000.000 đồng.

Thực tế, ông Đ.M.H đã thanh toán 13 (Mười ba) lần tổng cộng là 26.610.000 đồng, nên số tiền lãi đã thanh toán là 15.634.969 đồng và tiền gốc đã thanh toán là 26.610.000 đồng - 15.634.969 đồng = 10.975.031 đồng.

Vậy số tiền mà bị đơn ông Đ.M.H còn thiếu Ngân hàng V là:

- Tiền vay gốc: 45.000.000 đồng - 10.975.031 đồng = 34.024.969 đồng (Ba mươi bốn triệu hai mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng).

- Tiền lãi phát sinh: 28.741.528 đồng - 15.634.969 đồng = 13.106.559 đồng (Mười ba triệu một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng).

Tổng cộng số tiền còn thiếu của ông Đ.M.H Đối với Ngân hàng V là: 34.024.969 đồng + 13.106.559 đồng = 47.131.528 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm hai mươi tám đồng).

Số tiền chênh lệch so với khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận là 47.186.847 đồng - 47.131.528 đồng = 55.319 đồng (Năm mươi lăm ngàn ba trăm mười chín đồng). Vậy, số tiền do tính lệch lãi suất 0,01%/tháng (Lãi suất của Lịch trả nợ cao hơn so với lãi suất thỏa thuận hợp đồng) là 55.319 đồng (Năm mươi lăm ngàn ba trăm mười chín đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ cơ sở để chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Đ.M.H thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền thiếu tổng cộng là 47.131.528 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền gốc còn thiếu là 34.024.969 đồng (Ba mươi bốn triệu hai mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi còn thiếu là

13.106.559 đồng (Mười ba triệu một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng), không chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Đ.M.H trả số tiền 55.319 đồng (Năm mươi lăm ngàn ba trăm mười chín đồng).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội,

Bị đơn ông Đ.M.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 47.131.528 đồng x 5% = 2.356.576 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi sáu đồng);

Nguyên đơn Ngân hàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho phần yêu cầu không được chấp nhận; hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại là 1.180.000 đồng – 300.000 đồng = 880.000 đồng (Tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Ông Đ.M.H phải trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền vay và tiền lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 ngày 22/3/2014 tổng cộng là 47.131.528 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm ba mươi mốt ngàn năm trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền nợ gốc là 34.024.969 đồng (Ba mươi bốn triệu hai mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng), và tiền lãi là 13.106.559 đồng (Mười ba triệu một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không yêu cầu ông Đ.M.H trả tiền phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đ.M.H tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo mức lãi suất thỏa thuận được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20140325-500001-0006 ngày 22/3/2014 trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

2. Không chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông Đ.M.H trả số tiền được tính trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất của Lịch trả nợ cao hơn so với lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng 20140325-500001-0006 ngày 22/3/2014 là 0,01%/tháng, tương đương 55.319 đồng (Năm mươi lăm ngàn ba trăm mười chín đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Án phí dân sự đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm là 2.356.576 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi sáu đồng) ông Đ.M.H phải chịu.

3.2. Án phí dân sự đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0034617 ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là 880.000 đồng (Tám trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai nói trên.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, ông Đ.M.H được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân